

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CHÍNH TƯ VẤN FSG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CHÍNH TƯ VẤN FSG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FSG FINANCE CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: F.S.G,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109365760

**3. Ngày thành lập:** 06/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

105+105A Ngõ Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                        | 6619        |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới và xúc tiến thương mại<br>Dịch vụ uỷ thác xuất nhập khẩu<br>Kinh doanh theo phương thức nhượng quyền thương mại | 8299(Chính) |
| 3.  | Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn và đại diện                                                                                                                | 6920        |
| 4.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                              | 7020        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                 | 4321        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: : Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh<br>Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy. | 4329        |
| 7.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                              | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn</p> <p>Kiểm định xây dựng</p> <p>Quản lý chi phí xây dựng</p> <p>Quản lý dự án đầu tư xây dựng</p> <p>Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;</p> <p>Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;</p> <p>Đo bóc khối lượng;</p> <p>Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;</p> <p>Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;</p> <p>Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;</p> <p>Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.</p> <p>Dịch vụ tư vấn đấu thầu (Luật đấu thầu)</p> <p>Tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.</p> <p>Tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy</p> | 7110 |
| 9.  | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4649 |
| 10. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn sàn gỗ công nghiệp, sàn gỗ tự nhiên Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su; Bán buôn cửa nhựa lõi thép, cửa nhôm;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4663 |
| 11. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3100 |
| 12. | <p>Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết: Nhà thuốc</p> <p>Bán lẻ dụng cụ y tế</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4772 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330 |
| 14. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4311 |
| 15. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4312 |
| 16. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                      | 4752 |
| 17. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                             | 4211 |
| 18. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                              | 4212 |
| 19. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                               | 4229 |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. | 4299 |
| 21. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                        | 4322 |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                   | 4759 |
| 23. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                       | 4610 |
| 24. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4101 |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Kinh doanh phương tiện, vật tư phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                                       | 4659 |
| 26. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                            | 3811 |
| 27. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3812 |
| 28. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Thi công phòng chống mối, một công trình xây dựng                                                                                                                                                                                        | 4390 |
| 29. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                                                         | 3600 |
| 30. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Loại trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                                         | 4662 |
| 31. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5510 |
| 32. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                          | 5610 |
| 33. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5630 |

|     |                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản<br>Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>Dịch vụ quản lý bất động sản<br>Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản | 6820 |
| 35. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế                                                                                                                                               | 7912 |
| 36. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                    | 7911 |
| 37. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                               | 7990 |
| 38. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                         | 8230 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ NGỌC QUANG | Số 63 Thuốc Bắc, Phường Hàng Bồ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông         | 100.000    | 1.000.000.000         | 50,000    | 011152564                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số                   | 100.000    | 1.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                                          |                           |        |             |        |          |  |
|---|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|----------|--|
| 2 | ĐÀO THANH TÙNG | 105+105A Ngõ Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                         | Cổ phần phổ thông         | 50.000 | 500.000.000 | 25,000 | C2981435 |  |
|   |                |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |          |  |
|   |                |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |          |  |
|   |                |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |          |  |
|   |                |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |          |  |
|   |                |                                                                                                          | Tổng số                   | 50.000 | 500.000.000 | 25,000 |          |  |
|   |                |                                                                                                          |                           |        |             |        |          |  |
| 3 | TRẦN TIẾN HIỆP | Phòng A3, Tầng 11 chung cư 713 Lạc Long Quân, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 50.000 | 500.000.000 | 25,000 | B5291359 |  |
|   |                |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |          |  |
|   |                |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |          |  |
|   |                |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |          |  |
|   |                |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |          |  |
|   |                |                                                                                                          | Tổng số                   | 50.000 | 500.000.000 | 25,000 |          |  |
|   |                |                                                                                                          |                           |        |             |        |          |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐÀO THANH TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/01/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: C2981435

Ngày cấp: 05/04/2017

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 105+105A Ngõ Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 105+105A Ngõ Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội